



TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT

SEMINAR 2: TƯƠNG LAI TRIẾT HỌC

TS BÙI NGUYỄN HÂN- CT GDKP-BM GDTQ

1. Triết học với khoa học: nhìn từ Nho giáo và Đạo giáo

- Quan niệm về tri thức và con đường nhận thức thế giới

Trong Nho giáo, tri thức được hiểu chủ yếu là tri thức đạo đức – xã hội, nhằm giúp con người tu dưỡng bản thân và ổn định trật tự xã hội. Khổng Tử nhấn mạnh “học để làm người”, coi việc học là quá trình tích lũy kinh nghiệm lịch sử, lễ nhạc, đạo lý nhằm đạt tới nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Vì vậy, triết học Nho giáo định hướng nhận thức theo chiều nhân văn và thực tiễn xã hội, ít quan tâm đến việc khám phá các quy luật tự nhiên thuần túy theo nghĩa khoa học hiện đại.

Đạo giáo tiếp cận tri thức theo hướng trực giác và tự nhiên, đề cao việc nhận thức “Đạo” – nguyên lý vận hành của vũ trụ. Lão Tử cho rằng tri thức mang tính khái niệm và can thiệp của con người dễ làm sai lệch tự nhiên, cần hiểu biết bằng sự hòa hợp với tự nhiên hơn là bằng phân tích lý tính. Cách nhìn này khiến triết học Đạo giáo có xu hướng phản tư đối với tri thức khoa học, nhưng đồng thời lại mở đường cho những quan sát sâu sắc về tự nhiên.

2. Mối quan hệ giữa con người và tự nhiên

Trong Nho giáo, mối quan hệ giữa con người và tự nhiên được đặt trong khuôn khổ “Thiên – Nhân tương dũ” (trời và người có mối liên hệ), nhưng trọng tâm vẫn là con người với xã hội. Tự nhiên được xem như bối cảnh đạo đức và trật tự vũ trụ, nơi con người cần thuận theo “Thiên mệnh” để xây dựng trật tự nhân luân. Do đó, triết học Nho giáo không khuyến khích việc chinh phục hay cải tạo tự nhiên theo nghĩa khoa học, kỹ thuật, mà nhấn mạnh sự hài hòa giữa con người và trật tự vũ trụ.

Trong khi đó, Đạo giáo coi tự nhiên là chuẩn mực tối cao, con người chỉ là một bộ phận của tự nhiên. Quan niệm “Đạo pháp tự nhiên” và “vô vi” phản ánh thái độ tôn trọng quy luật tự nhiên, tránh can thiệp cưỡng bức. Chính cách nhìn này đã tạo nền tảng tư tưởng cho nhiều tri thức mang tính tiền khoa học trong lịch sử Trung Hoa, như y học cổ truyền, thuật dưỡng sinh, phong thủy, thiên văn học cổ đại.

3. Thái độ đối với khoa học và kỹ thuật

Nho giáo nhìn chung có thái độ thận trọng và dè dặt đối với khoa học, kỹ thuật. Các kỹ năng kỹ thuật thường bị xếp vào phạm trù “tiểu đạo”, thấp hơn so với “đại đạo” là đạo trị quốc và tu thân. Điều này dẫn tới việc triết học Nho giáo ưu tiên xây dựng hệ giá trị đạo đức, chính trị hơn là thúc đẩy khoa học thực nghiệm. Trong lịch sử, tầng lớp sĩ đại phu Nho giáo thường ít trực tiếp tham gia nghiên cứu khoa học tự nhiên.

Đạo giáo tuy phê phán sự can thiệp thái quá của con người vào tự nhiên, nhưng lại khuyến khích quan sát và thực hành. Nhiều thành tựu khoa học kỹ thuật cổ đại Trung Hoa, như luyện đan, y học, hóa học sơ khai, cơ học và kỹ thuật thủy lợi, chịu ảnh hưởng sâu sắc từ tư duy Đạo giáo. Điều này cho thấy Đạo giáo, dù mang tính huyền học, lại có mối liên hệ thực tiễn với khoa học nhiều hơn so với Nho giáo.

Nguyễn Duy Cần (2005), Lão Tử – Đạo Đức Kinh, Nxb. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.

Tr. 21–35: Đạo, vô vi và tự nhiên

Tr. 66–78: Quan niệm tri thức và phản ứng đối với lý tính

1. Nguồn gốc của tri thức

Kinh nghiệm luận cho rằng mọi tri thức đều bắt nguồn từ kinh nghiệm cảm giác, thông qua quan sát, trải nghiệm và tiếp xúc trực tiếp với thế giới bên ngoài. Con người khi sinh ra không có tri thức bẩm sinh; tâm trí ban đầu là “tấm bảng trắng” (tabula rasa), và tri thức được hình thành dần dần nhờ kinh nghiệm.

John Locke khẳng định rằng tất cả các ý niệm của con người đều xuất phát từ cảm giác (sensation) và phản tinh (reflection), trong đó cảm giác giữ vai trò nền tảng. David Hume tiếp tục phát triển quan điểm này khi cho rằng mọi ý niệm đều là “bản sao mờ nhạt” của những ấn tượng cảm giác trực tiếp.

Duy lý luận (Rationalism)

Trái với kinh nghiệm luận, duy lý luận cho rằng lý trí là nguồn gốc chủ yếu của tri thức, và có những tri thức bẩm sinh, không phụ thuộc trực tiếp vào kinh nghiệm cảm giác. Theo quan điểm này, kinh nghiệm chỉ có vai trò gợi mở hoặc kích thích, còn bản thân tri thức chân chính được hình thành nhờ suy luận lý tính. René Descartes cho rằng cảm giác có thể sai lầm, còn lý trí mới là nền tảng chắc chắn để đạt tới chân lý. Các chân lý toán học, logic và siêu hình học được xem là minh chứng cho tri thức độc lập với kinh nghiệm.

René Descartes (2006), Luận văn về phương pháp, Nxb. Tri thức, Hà Nội, tr. 41–58

3. Khoa học phát triển có là thách thức cho triết học

Auguste Comte cho rằng khi khoa học đạt đến giai đoạn thực chứng, triết học siêu hình sẽ mất dần ý nghĩa nhận thức, bởi những vấn đề không thể kiểm chứng bằng khoa học thì không còn giá trị khoa học nữa. Quan điểm này dẫn đến xu hướng xem triết học như một hình thức tư duy lỗi thời, bị thay thế bởi các khoa học chuyên ngành ngày càng phát triển và chuyên sâu.

Auguste Comte (2022), Triết học thực chứng, Nxb. TH TP HCM

Tuy nhiên, chính sự phát triển của khoa học lại bộc lộ giới hạn nội tại của nó. Khoa học trả lời câu hỏi “cái gì” và “như thế nào”, nhưng thường không giải quyết được những câu hỏi nền tảng như: bản chất của chân lý là gì, giới hạn của nhận thức ở đâu, hay tri thức khoa học có giá trị phổ quát đến mức nào. Những vấn đề này thuộc về phạm vi của nhận thức luận và triết học khoa học. Vì vậy, thách thức đặt ra không phải là sự phủ định triết học, mà là yêu cầu triết học tự đổi mới, chuyển từ việc thay thế khoa học sang việc phản tư, phân tích và làm rõ nền tảng lý luận của khoa học.

Martin Heidegger cho rằng khoa học và kỹ thuật hiện đại có xu hướng biến thế giới và con người thành “đối tượng để khai thác”, làm suy giảm khả năng suy tư bản thể luận và khiến con người đánh mất ý nghĩa tồn tại đích thực. Từ đó, triết học đứng trước thách thức phải khẳng định lại vai trò của mình trong việc định hướng giá trị, phê phán sự tuyệt đối hóa khoa học và đặt khoa học trong giới hạn nhân văn cần thiết.